

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BẦU CỬ Ở NƯỚC TA

thực trạng và giải pháp

TSKH PHAN XUÂN SON

1. Đảng lãnh đạo công tác bầu cử

Hoạt động lãnh đạo của Đảng liên quan đến bầu cử thực sự chỉ bắt đầu từ khi Đảng giành được chính quyền, tháng 8-1945.

Sáu ngày sau khi tuyên bố độc lập, ngày 8-9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 14 quyết định tổ chức tổng tuyển cử trên phạm vi toàn quốc. Vào thời điểm đó không ít đảng viên lo lắng, cho rằng chưa nên tổ chức tổng tuyển cử vì: chính quyền cách mạng mới ra đời, khó khăn chồng chất, phải đối phó với giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, ngân quỹ trống rỗng; nhân dân còn đói, mù chữ, trình độ văn hóa thấp, các thế lực ngoại xâm và phản động đang còn công khai hoạt động ráo riết; đội ngũ đảng viên còn mỏng, toàn Đảng có khoảng 5.000 đảng viên. Trong các cơ quan hành chính Nhà nước, trong quân đội không phải đơn vị nào cũng có chi bộ Đảng. Và do hoàn cảnh lúc bấy giờ, để giữ chính quyền, ngày 11-11 - 1945 Đảng ta tuyên bố "tự giải tán", mà thực chất là rút vào bí mật. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định, nhân dân sẽ biết sử dụng lá phiếu của mình. Tổng tuyển cử nhất định thành công. Người nói: "Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả

công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v."¹.

Tổng tuyển cử ở nước ta lúc đó là một hiện tượng xa lạ. Nhưng tinh thần của nó được Bác Hồ giải thích rõ trên *Báo Cứu Quốc* số 130, ngày 31-12-1945: "Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà.

Trong Tổng tuyển cử..., hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó.

... Do Tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật sự là Chính phủ của toàn dân"².

Ban soạn thảo thể lệ Tổng tuyển cử được thành lập gồm 9 người, trong đó có 4 đảng viên cộng sản, 2 đảng viên dân chủ, 3 không đảng phái. Đó là các ông Trần Huy Liệu, Vũ Đình Hòe, Cù Huy Cận, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Hữu Đang, Lê Văn Giọng, Nguyễn Văn Chúc, Nguyễn Hữu Tiến, Tâm Kính.

Tổng tuyển cử tháng 1 - 1946 thành công cho thấy, đây là cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử nước nhà, một nước vừa thoát khỏi chế độ phong kiến chuyên chế hàng ngàn năm và chế độ thuộc địa của thực dân Pháp hơn 80 năm, nhưng là một cuộc bầu cử thực sự tự do, dân chủ, công bằng và tiến bộ. Cuộc Tổng tuyển cử diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc Tổng

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

tuyển cử tháng 1 - 1946 đạt được những chuẩn mực điển hình:

- Bầu cử theo phương thức phổ thông, trực tiếp, kín.

- Bầu cử tự do. Được xem xét trên hai mặt: *thứ nhất*, tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử và bầu cử không có sự phân biệt về giai cấp, tôn giáo, sắc tộc, giàu nghèo, nam nữ, học vấn...; *thứ hai*, các cử tri không phải chịu một áp lực quân sự, chính trị hoặc kinh tế nào trong quá trình lựa chọn các đại biểu.

- Số ứng cử viên cao hơn hai lần số đại biểu cần chọn (ở Hà Nội có 74 ứng cử viên, chọn lấy 6 đại biểu).

Các ứng cử viên đều thực hiện vận động tranh cử: tiểu sử các ứng cử viên kèm theo ảnh được đăng trên báo; các ứng cử viên được tiếp xúc với cử tri để nói rõ chương trình hành động của mình. Thậm chí chỉ hai, ba ứng cử viên cũng tổ chức riêng một cuộc tiếp xúc. Có những ứng cử viên tự tổ chức lấy các cuộc tiếp xúc.

- Các đại biểu được bầu tiêu biểu cho toàn thể nhân dân Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 2-3-1946, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Trong cuộc Toàn quốc đại biểu đại hội này các đảng phái đều có đại biểu mà đại biểu không đảng phái cũng nhiều, đồng thời phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số cũng đều có đại biểu. Vì thế cho nên các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam"³.

Những mẫu mực của cuộc Tổng tuyển cử 1946 sau này được đưa vào Hiến pháp đầu tiên của nước ta, bản Hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh, người lãnh đạo cuộc tổng tuyển cử đầu tiên, làm Trưởng ban dự thảo.

Thế chế bầu cử ở nước ta lần đầu tiên được quy định trong Hiến pháp 1946 có những nội dung sau:

- Chế độ bầu cử là phổ thông đầu phiếu. Bỏ phiếu phải tự do, trực tiếp và kín (Điều 17).

- Tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người mất công quyền.

- Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi và phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

- Công dân tại ngũ cũng có quyền bầu cử và ứng cử (Điều 18).

- Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra (Điều 20).

- Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia theo Điều 32 và 70 (Điều 21).

- Các cơ quan quyền lực được bầu ra theo một nhiệm kỳ nhất định (3 năm) cứ 5 vạn dân thì bầu một đại biểu, các đại biểu không chỉ thay mặt cho địa phương mình mà còn thay mặt cho toàn thể nhân dân (Điều 24, 25).

- Hiến pháp 1946 quy định chỉ có cấp tỉnh (tỉnh, thành phố, thị xã) và cấp xã mới có HĐND, cơ quan dân cử ở địa phương, do đầu phiếu phổ thông trực tiếp bầu ra, sau đó HĐND dân cử ra ủy ban hành chính cùng cấp. Ủy ban hành chính Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ do HĐND các tỉnh bầu ra.

Từ Hiến pháp 1959 trở đi, các cấp hành chính đều thành lập HĐND và UBND. HĐND các cấp do nhân dân địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương.

Từ những quy định của Hiến pháp, Nhà nước ta đã xây dựng *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội* và *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân*. Theo các luật này, sự lãnh đạo của Đảng được đảm bảo bởi các yếu tố sau đây:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) công bố, chủ trì và giám sát, bảo đảm cho việc bầu cử đại biểu Quốc hội được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật.

- Chính phủ chỉ đạo công tác bầu cử theo quy định của pháp luật (Điều 4, *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội*).

Thường trực HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND xã, phường, thị trấn, UBND các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật.

Hội đồng bầu cử Trung ương lãnh đạo mọi mặt việc tổ chức bầu cử trong cả nước. Hội đồng bầu cử phải thành lập chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử. Hội đồng có 15 người gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên là đại diện UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ), một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Ở địa phương thành lập ủy ban bầu cử từ 7 đến 11 người, gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên là đại diện thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (UBMTTQ) cùng một số cơ quan, tổ chức hữu quan. Ủy ban này lãnh đạo và chịu trách nhiệm về công tác bầu cử ở địa phương.

Ở các đơn vị bầu cử, các Ban bầu cử cũng được thành lập (chậm nhất là 60 ngày trước ngày bầu cử) gồm các thành viên từ Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ cùng cấp. Ở mỗi khu vực bỏ phiếu, các tổ bầu cử được Chủ tịch HĐND, UBND và Thường trực MTTQ xã, phường quyết định thành lập.

Sau khi đã có Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử,... bắt đầu quá trình hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu. Quá trình hiệp thương được tiến hành ba lần.

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất để thỏa thuận về cơ cấu thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được bầu làm đại biểu Quốc hội trên cơ sở dự kiến của UBTVQH. Thành phần Hội nghị ở Trung ương gồm Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, đại diện Ban lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận, do Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam chủ trì. Đại diện Hội đồng bầu

cử Trung ương, UBTVQH và Chính phủ được mời dự Hội nghị.

Hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh cũng có thành phần tương tự từ UBMTTQ, HĐND, và UBND cấp tỉnh tham gia, do Thường trực UBMTTQ tỉnh chủ trì.

Kết quả hiệp thương được thông qua bằng hình thức thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Số lượng người do hiệp thương giới thiệu ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu Quốc hội sao cho sau hiệp thương lần ba còn có số dư. Kết quả hiệp thương lần thứ nhất được gửi lên UBTVQH, Hội đồng bầu cử và Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Trên cơ sở này UBTVQH sẽ điều chỉnh lần thứ nhất, Thường trực UBMTTQ (người tổ chức hiệp thương) họp với đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ người ra ứng cử để làm thủ tục giới thiệu ứng cử. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến người ứng cử, lấy ý kiến cử tri nơi người đó công tác. Việc dự kiến người ứng cử đều có sự tham gia của lãnh đạo tổ chức, đơn vị, cơ quan và lãnh đạo cơ sở Đảng, các đoàn thể, ban chấp hành công đoàn.

Danh sách dự kiến còn được đưa ra lấy ý kiến của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo công đoàn các đơn vị trực thuộc. Những người vượt qua được tất cả các bước trên sẽ làm thủ tục hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội.

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai xem xét danh sách dự kiến từ đó hình thành một danh sách sơ bộ gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú. Thành phần hội nghị hiệp thương lần hai cũng là thành phần hội nghị hiệp thương lần thứ nhất.

Việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú thường xuyên (thôn, xóm, buôn, bản, ấp, tổ dân phố,...) do Thường trực UBMTTQ cấp xã phối với UBND cùng cấp triệu tập và chủ trì. Hình thức tín nhiệm có thể bằng biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín.

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba, thành phần như hội nghị hiệp thương lần thứ nhất; kết quả sẽ là danh sách ứng cử chính thức gửi đến Hội

đồng bầu cử (ở Trung ương), đến ủy ban bầu cử (ở địa phương). Các danh sách này chính thức ghi nhận sự giới thiệu của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Ban thường trực UBMTTQ cấp tỉnh giới thiệu ứng cử viên vào đại biểu Quốc hội.

Bản danh sách những người ứng cử phải được lập theo vần chữ cái A, B, C ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quê quán, nơi thường trú, dân tộc, tôn giáo, trình độ văn hóa, chuyên môn nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc.

Luật bầu cử đại biểu Quốc hội quy định số người trong danh sách ứng cử ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị đó. Người ứng cử chỉ được ghi danh ở một đơn vị bầu cử.

Trong trường hợp có khiếu nại, tố cáo thì quyết định của Hội đồng bầu cử là quyết định cuối cùng. Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Kinh phí bầu cử lấy từ ngân sách Nhà nước.

Các cuộc bầu cử đại biểu HĐND các cấp đều tuân thủ các nguyên tắc, trình tự thủ tục tương tự.

Như vậy, có thể nói thể chế Đảng lãnh đạo công tác bầu cử vào các cơ quan dân cử được xây dựng một cách hệ thống, rõ ràng, đảm bảo lựa chọn những đại biểu có phẩm chất đạo đức, tư cách tốt, trung thành với sự nghiệp của Đảng, đảm bảo được công tác nhân sự của Đảng. Thể hiện ở những điểm sau:

- Các cuộc bầu cử diễn ra theo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng. Sự lãnh đạo này được quán triệt từ Bộ chính trị, BCH TƯ đến cấp ủy các cấp. Sau khi có sự quán triệt như vậy, Đảng lãnh đạo quá trình bầu cử thông qua các cơ quan: Thường vụ Quốc hội trong đó có Chủ tịch Quốc hội là Ủy viên Bộ chính trị, các Phó chủ tịch, các chủ nhiệm ủy ban của Quốc hội hầu hết là Ủy viên BCH TƯ Đảng; Chính phủ, Thủ tướng, các thành viên Chính phủ đều

là Ủy viên BCH TƯ hoặc đồng thời là Ủy viên Bộ chính trị; Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam hoặc Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam hầu hết là đảng viên của Đảng, riêng Chủ tịch là ủy viên BCH TƯ Đảng; ứng cử viên do tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các cơ quan giới thiệu đều là lãnh đạo của các tổ chức, cơ quan ấy; Ở các địa phương, tham gia hoạt động, tổ chức bầu cử là Chủ tịch HĐND, Thường trực HĐND, Phó chủ tịch UBND, Thường trực Mặt trận các cấp đều là các đồng chí lãnh đạo Đảng bộ các cấp.

- Hiệp thương lần thứ nhất thực chất là xác định thống nhất cơ cấu đại biểu theo dự kiến của UBTVQH.

- Việc giới thiệu các ứng cử viên để đưa ra hiệp thương đều do lãnh đạo cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đoàn thể trong đó có Ban chấp hành công đoàn tiến hành.

Tuy nhiên, thể chế bầu cử ở nước ta cũng bộc lộ một số nhược điểm cơ bản sau:

- Quá nhấn mạnh về tính tập trung thống nhất, biểu hiện cụ thể là số lượng đại biểu Quốc hội hoặc HĐND chủ yếu được bầu theo dự kiến, định hướng của lãnh đạo Đảng các cấp. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp (kể cả BCH TƯ) là vấn đề có tính nguyên tắc. Tuyệt đối hóa quan điểm của cấp ủy trong việc lựa chọn các đại biểu của các tầng lớp nhân dân nhiều khi thể hiện được sự thống nhất, đảm bảo cơ cấu, nhưng thiếu toàn diện. Trong thực tế, phương pháp này được thể hiện ra là bệnh hình thức, áp đặt cơ cấu thành phần đại biểu một cách bình quân, máy móc, xơ cứng, không phát huy được tính tích cực của quần chúng nhân dân trong việc lựa chọn người đại diện xứng đáng nhất cho mình. Vì thế, nhiều khi trong các cuộc bầu cử còn có biểu hiện tính phong trào, hình thức. Kết quả là có nhiều đại biểu được bầu tuy đủ phẩm chất, tư cách

nhưng lại không hẳn là đại biểu xứng đáng nhất của nhân dân.

Ở một số nơi, việc cố gắng thực hiện các dự kiến của cấp ủy dẫn tới sự không thống nhất, đặc biệt là ở cơ sở. Có người được cấp ủy giới thiệu nhưng cử tri không bầu, đại biểu được cử tri bầu thì không được công nhận... Những đại biểu trúng cử theo cách như vậy rất khó làm việc với dân, mặt khác lại gây mất lòng tin của dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

- Quá trình hiệp thương còn nặng về hợp thức hóa sự chỉ đạo định hướng từ cấp trên. Nhìn chung cử tri ở cơ sở bị rơi vào tình thế bị động, không được giới thiệu người mình tin nhiệm. Mặc dù hiện nay có quy định cho người tự ứng cử, nhưng quy định này cũng chưa đảm bảo công bằng, bình đẳng và chưa đảm bảo rằng người tự ứng cử là người được nhân dân tin nhiệm. Ở một số nước có quy định những người tự ứng cử phải thu thập đủ một số lượng chữ ký ủng hộ nhất định của cử tri. Ở nước ta, việc tự ứng cử còn chưa được quy định chặt chẽ, thậm chí còn tùy tiện. Để chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu HĐND ba cấp năm 2004, ngoài những cơ sở pháp lý đã có, lần này Đảng chủ trương tạo điều kiện để các cộng đồng dân cư tự giới thiệu các ứng cử viên vào đại biểu HĐND các cấp. Đây là một chủ trương mới, rất đúng đắn. Sẽ có những vấn đề mới nảy sinh, nhưng chắc chắn sẽ phát huy tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân, góp phần khắc phục những nhược điểm trong các cuộc bầu cử trước đây.

- Trong hệ thống đa đảng, việc một đảng viên của Đảng nào đó ứng cử phải được Đảng đó cho phép với một thể thức lựa chọn nghiêm ngặt. Nhưng trong điều kiện một Đảng cầm quyền như ở nước ta, việc đảng viên không được tự ứng cử là một hạn chế đối với việc đào luyện đội ngũ đảng viên, đồng thời cũng làm thu hẹp khả năng lựa chọn của cử tri.

- Việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú thường xuyên là một thể thức khá quan trọng. Nhưng thể thức này chưa phản ánh thực chất quyền dân chủ của nhân dân. Bởi vì: *thứ nhất*, cử tri thụ động, họ chỉ được bày tỏ tín nhiệm đối với những người đã có sẵn trong danh sách; *thứ hai*, sự tín nhiệm này cũng chỉ mới so với tiêu chuẩn cần thiết của người đại biểu chứ chưa phải là người cử tri lựa chọn trong số những người tốt nhất, xứng đáng hơn giới thiệu ra ứng cử; *thứ ba*, đại biểu, đặc biệt là đại biểu Quốc hội nếu mới chỉ nhận được sự "đảm bảo" tư cách của cử tri nơi công tác và nơi cư trú thường xuyên thì chưa đủ, còn phải có sự "đảm bảo" rộng rãi hơn.

- Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử Hội đồng nhân dân quy định danh sách ứng cử viên phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu nhưng không nói rõ phải nhiều hơn tối thiểu là bao nhiêu là chưa thực sự dân chủ và khoa học. Nhiều thời kỳ, số ứng cử viên chỉ nhiều hơn số đại biểu được bầu 1 - 2 người, hiện nay tình hình có cải thiện hơn. Rõ ràng chỉ yêu cầu danh sách nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu là chưa đủ mà nên quy định cụ thể: nhiều hơn ít nhất là gấp đôi số lượng đại biểu được bầu, tạo điều kiện rộng rãi cho cử tri được lựa chọn.

- Trong các cuộc bầu cử, còn thiếu các cuộc vận động tranh cử, và cũng thiếu các chế định cho việc vận động tranh cử. Đại biểu đắc cử chủ yếu phụ thuộc vào định hướng của lãnh đạo, vào cơ cấu chứ không phải vì năng lực và chương trình hành động của họ được thể hiện qua vận động tranh cử.

- Chưa cụ thể hóa quyền bãi miễn các đại biểu đã được bầu. Vì vậy, ở nước ta hầu như chưa có đại biểu nào bị bãi miễn vì không làm tròn nhiệm vụ. Một số trường hợp bị bãi miễn là do phạm tội quả tang hoặc hiển nhiên.

Những yếu kém trên đây của công tác bầu cử ở nước ta là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho đội ngũ cán bộ của hệ

thống chính trị nói chung, của Nhà nước nói riêng chưa ngang tầm với đòi hỏi của tình hình phát triển đất nước, bộc lộ nhiều yếu kém trong tổ chức thực hiện Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng, thực thi pháp luật Nhà nước, quản lý xã hội và trong quan hệ với nhân dân.

Thể chế bầu cử và Đảng lãnh đạo công tác bầu cử (mà tương lai là hệ thống bầu cử) đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu, sửa đổi và hoàn thiện là một nội dung quan trọng trong thể chế Đảng lãnh đạo Nhà nước, đặc biệt là lãnh đạo Nhà nước pháp quyền.

2. Một số phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bầu cử

- Chúng ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân. Xây dựng Nhà nước pháp quyền đặt ra những yêu cầu mới về bảo đảm các quyền của công dân, về sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động của Nhà nước, đặc biệt là yêu cầu đối với sự lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo nhà nước nhưng mọi tổ chức của Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Từ đây đặt ra yêu cầu đổi mới thể chế và phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN.

Cần có nhận thức mới, đúng đắn về thể chế bầu cử, coi bầu cử là một trong những thể chế quan trọng nhất của nền chính trị dân chủ - pháp quyền XHCN, trong việc đảm bảo quyền lực chính trị của nhân dân lao động, phù hợp với tập quán sinh hoạt chính trị dân chủ của các nước hiện nay. Hoàn thiện thể chế bầu cử cũng có nghĩa là tuân theo những chuẩn mực, những giá trị phổ biến của văn minh nhân loại trong việc bảo đảm các quyền dân chủ của nhân dân.

Để có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của thể chế bầu cử đối với sự lãnh đạo của Đảng, cần đầu tư nghiên cứu lý luận, kinh nghiệm bầu cử trên thế giới, trong nước... Trên cơ sở đó hoàn thiện hệ thống bầu cử nước ta,

xác định chiến lược của Đảng trong các cuộc bầu cử, thực hiện phương thức lãnh đạo nhà nước bằng đội ngũ các nhà chính trị, các đảng viên được nhân dân lựa chọn qua các cuộc vận động bầu cử.

- Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bầu cử theo hướng đảm bảo nguyên tắc dân ủy quyền có điều kiện và có thời hạn. Làm sao để dân thực sự làm chủ trong quá trình tìm kiếm, lựa chọn và quyết định những người đại diện cho mình. Xây dựng thể chế bãi miễn đại biểu sao cho rõ ràng, chính xác, thuận tiện.

- Xây dựng luật trưng cầu dân ý.

- Kết hợp hài hòa giữa định hướng, cơ cấu của Đảng với quyền ứng cử, quyền đề cử của công dân và các thể chế xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đảng lãnh đạo bầu cử chủ yếu là hỗ trợ các ứng cử viên của Đảng thông qua bầu cử hợp pháp từ tổ chức, kinh phí, tuyên truyền, cổ động, tiếp xúc cử tri..., ngoài ra không nên can thiệp hoặc gò ép.

- Cụ thể hóa, pháp quy hóa quyền ứng cử, quy trình "tự" ứng cử của công dân.

- Nên nghiên cứu, tạo điều kiện để có nhiều đảng viên của Đảng tham gia ứng cử. Ví dụ, ngoài "dự kiến", đảng viên có thể tự ứng cử bằng cách lấy chữ ký ủng hộ của cử tri, nếu đủ số lượng cần thiết, báo cáo với tổ chức Đảng để tham gia tranh cử với các ứng cử viên khác (trong và ngoài Đảng).

- Đảm bảo số lượng ứng cử viên phải nhiều hơn (tối thiểu là gấp đôi) số lượng đại biểu cần thiết phải bầu.

- Đảng lãnh đạo xây dựng một bộ Luật bầu cử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, trong đó đảm bảo những nguyên tắc hiến định rất tiến bộ của Hiến pháp nước ta, quy định các loại hình bầu cử, các chế độ bầu cử, thành lập một cơ quan chuyên trách của Nhà nước về công tác bầu cử...

1, 2, 3. Hồ Chí Minh Toàn tập, CTQG, H, 1995, T.4, tr.8, 133, 190.